

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mi Mi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đào Thị Mộng Trinh

2/ Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 58/2024/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024. Về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 17/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà **Thông Thị M** – Sinh năm 1992.

Bị đơn : Ông **Thông Minh L** – Sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: **Khu phố C, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.**

Bà **M** có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông **L** vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 19/02/2024 và tại bản khai nguyên đơn bà **Thông Thị M** trình bày*: Bà và ông **Thông Minh L** cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 02 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại **Khu phố C, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận**. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông **L** không quan tâm gì đến vợ con, chỉ biết bản thân ông nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn chung sống với nhau đã hơn 02 năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **Thông Minh L**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Thông Thanh Linh C** – Sinh ngày 30/11/2015; **Thông Tuyên K** – Sinh ngày 03/5/2022. Hiện các con đang ở với bà.

Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con tên **Thông Thanh Linh C**, **Thông Tuyên K** và không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi các con vì bà đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông **Thông Minh L** vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông **Thông Minh L** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại **Khu phố C, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà **Thông Thị M** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Thông Minh L** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Thông Thị M** và ông **Thông Minh L** cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H**. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà **M** cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do ông **L** không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau gần 02

năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà yêu cầu xin được ly hôn với ông **Thông Minh L**.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông **L** nhưng ông **L** cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà **M** và ông **L** thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của bà **Thông Thị M** là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng 02 con chung tên **Thông Thanh Linh C** – Sinh ngày 30/11/2015; **Thông Tuyên K** – Sinh ngày 03/5/2022.

Khi ly hôn bà **M** yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà **M**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Con tên **C** có nguyện vọng ở với bà **M**, từ khi bà và ông **L** mâu thuẫn nhau thì bà **M** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục các con, ông **L** không đến Tòa để nêu ý kiến của ông. Vì vậy, giao 02 con chung cho bà **M** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà **M** không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà **Thông Thị M** phải chịu 300.000 đồng án phí ly Hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, **D** a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông **Thông Minh L** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Thông Thị M** về việc yêu cầu ly hôn với ông **Thông Minh L**.

Bà **Thông Thị M** được ly hôn với ông **Thông Minh L**.

2. *Về con chung:*

Bà **Thông Thị M** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên **Thông Thanh Linh C** – Sinh ngày 30/11/2015; **Thông Tuyên K** – Sinh ngày 03/5/2022

Bà **Thông Thị M** không yêu cầu ông **Thông Minh L** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Thông Minh L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:*

Bà **Thông Thị M** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà **Thông Thị M** đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013054 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Ông **Thông Minh L** không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo :*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mi Mi